TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Thắng.

- Bà Phạm Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Tuyết Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết D sinh năm 1990; trú tại: Số 15, đường T, tổ C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Võ Thanh P sinh năm 1990; trú tại: Số 15, đường T, tổ C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết D:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà với ông Phạm Võ Thanh P kết hôn năm 2013, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố I, tỉnh Ninh Thuận. Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại số 15, đường T, tổ C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, ông P thường say xỉn đập phá của cải, tài san chung, gây tổn thương

đến vợ và con. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

- *Về con chung:* Vợ chồng bà có 02 con chung tên Phạm Minh Ngọc H sinh ngày 28/7/2013 và Phạm Ngọc Minh C sinh ngày 14/12/2018. Hiện nay 02 con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến ngày các con chung thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Bà yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng (02 con chung 4.000.000 đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày các con chung thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Phạm Võ Thanh P: Ông P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông P biết; do ông P vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, xử cho bà D với ông P ly hôn; giao 02 con chung cho bà D nuôi dưỡng đến ngày các con chung thành niên; ông P cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày các con chung thành niên; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà D với bị đơn ông P. Theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D với ông P kết hôn năm 2013, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố I, tỉnh Ninh Thuận. Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại số 15, đường T, tổ C, thị trấn L, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Theo bà D nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, ông P thường say xỉn đập phá của cải, tài sản chung, gây tổn thương đến vợ và con. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông P. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D với ông P đã trầm trọng, kéo dài. Ông P bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không có thiện chí hòa giải và hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà D, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông P.

- *Về con chung:* Bà D với ông P có 02 con chung tên Phạm Minh Ngọc H sinh ngày 28/7/2013 và Phạm Ngọc Minh C sinh ngày 14/12/2018. Hiện nay 02 con chung đang sống với bà D và ông P. Khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến ngày các con chung thành niên. Xét thấy, ông P không có ý kiến gì về con chung, bà D có yêu cầu nuôi 02 con chung, cháu H có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần nên giao 02 cháu H và C cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng:* Tại phiên tòa, bà D yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng (02 con chung 2.000.000 đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày các con chung thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà D với ông P không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn; ông P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tuyết D, xử cho bà Lê Thị Tuyết D với ông Phạm Võ Thanh P ly hôn.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Phạm Minh Ngọc H sinh ngày 28/7/2013 và Phạm Ngọc Minh C sinh ngày 14/12/2018 cho bà Lê Thị Tuyết D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Phạm Võ Thanh P phải cấp dưỡng nuôi các con chung tên Phạm Minh Ngọc H sinh ngày 28/7/2013 và Phạm Ngọc Minh C sinh ngày 14/12/2018 mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng), 02 con chung 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực đến ngày các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Tuyết D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, bà D đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008557 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

Buộc ông Phạm Võ Thanh P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà D có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND Phường K, TP. I, tỉnh Ninh Thuận (số 120, quyển số 01/2013);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phượng Diễm